

Bản án số: 78/2021/HSST
Ngày 14 -4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa K tòa: Ông Hoàng Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải, bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Vì Thị T, sinh ngày 08/9/1980 tại C, Sơn La; Nơi cư trú: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; cD ông Vì Văn H và bà Lường Thị S (đều đã chết); bị cáo không có chồng, có 01 cD sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vì Thị T: Ông Trần Minh H là Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người làm chứng:

Quàng Văn D, sinh ngày 27/11/1976, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lường Văn T, sinh ngày 06/9/1983, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lò Thị P, sinh ngày 13/8/1984, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Tòng Văn E, sinh ngày 11/5/1987, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Tòng Thị F, sinh ngày 15/02/1992, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lường Thị G, sinh ngày 4/5/2004, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lò Thị H, sinh ngày 17/9/1984, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Quàng Văn C, sinh ngày 12/9/1988, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lò Thị S, sinh ngày 24/4/1990, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Quàng Thị T, sinh ngày 09/9/1972, trú tại: Bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, có mặt;

Vì Thị K, sinh ngày 13/6/1994, trú tại: Bản Chiên, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Vì Văn Anh, sinh ngày 03/6/1993, trú tại: Bản Chiên, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lò Thị L, sinh ngày 01/01/1991, trú tại: Bản Chiên, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Vì Văn N, sinh ngày 31/10/1986, trú tại: Bản Pìn, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lò Thị O, sinh ngày 27/7/1986, trú tại: Bản Pìn, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lường Văn N, sinh ngày 01/01/1987, trú tại: Bản Lướt, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Lường Thị Q, sinh ngày 01/12/1987, trú tại: Bản Lướt, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Tòng Thị Sa, sinh ngày 27/12/1997, trú tại: Bản Chiềng Cang, xã Chiềng Cang, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt;

Vì Văn X, sinh năm 1996, trú tại: Bản Chiềng Cang, xã Chiềng Cang, huyện C, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trDg hồ sơ vụ án và diễn biến tại K tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, thông qua mạng xã hội Facebook, Vì Thị T quen biết với một người có tên Hải Sẹo và có quan hệ tình cảm với nhau, khoảng gần Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019, T gặp Hải tại một nhà nghỉ gần bến xe Mỹ Đình thành phố Hà Nội (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) và được Hải cho số điện thoại người có tên Y để T liên hệ tìm việc làm ở Trung Quốc. Khi về đến nhà, T gọi cho Y, được Y cho biết việc làm xúc xích ở tỉnh Phúc Kiến – Trung Quốc, lương tính theo sản phẩm, khoảng 10 triệu đồng/01 tháng, được nuôi ăn, ở nQ phải làm trDg thời hạn 01 năm mới được về Việt Nam, nếu đi Y sẽ đưa đi, khi đi không phải mang theo giấy tờ vì sẽ đi theo đường mòn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, T rủ cháu là Tòng Văn Khánh, là người cùng bản cùng đi, Khánh đồng ý nên T gọi điện hỏi Y rồi thông báo 02 người đi và được Y trả lời là đi bao nhiêu người cũng được. TrDg dịp Tết Nguyên Đán 2019, T đã đưa thông tin về việc T sang Trung Quốc làm thuê với nhiều người trên địa bàn xã Chiềng KhoDg, huyện C. Sau khi tiếp nhận thông tin nhiều người thiếu việc làm, hoàn cảnh khó khăn, đã gặp T hỏi về việc sang Trung Quốc làm thuê và được T thông tin lại nội dung Y đã trao đổi và nói ai muốn đi thì 16 giờ ngày 12/02/2019, ra đường quốc lộ 4G đón xe cùng đi với T.

Khoảng 16 giờ ngày 12/02/2019, Vì Thị T và Tòng Văn Khánh đón xe khách chạy tuyến C – Mỹ Đình (Hà Nội), trên đường đi tiếp tục đón thêm Quàng Văn D, Lường Văn T, Lò Thị P, Tòng Văn E, Tòng Thị F (vợ Tòng Văn E), Lường Thị G, Lò Thị H, Quàng Văn C, Lò Thị Sam, Quàng Thị T, đều là những người cư trú cùng bản với Vì Thị T. Vì Thị K, Vì Văn Anh (chồng Vì Thị K), Lò Thị L đều trú tại: Bản Chiên, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La. Lường Văn N, Lường Thị Q (vợ Lường Văn N), trú tại Bản Lướt, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La. Tòng Thị Sa, Vì Văn X, trú tại: Bản Chiềng Cang, xã Chiềng Cang, huyện C, tỉnh Sơn La. Sau khi đón được người lên xe, T gọi điện cho Y thông báo có 20 người cùng đi sang, Y đồng ý và hướng dẫn T đưa mọi người đến bến xe Mỹ Đình, rồi tiếp tục đi xe khách lên tỉnh Lạng Sơn, sẽ có người của Y đến đón và đưa sang Trung Quốc. Khi xe khách đến tỉnh Lạng Sơn, T và mọi người được 01 người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) tự giới thiệu là người của Y đón, đưa đi theo đường mòn thuộc khu vực gần cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn, xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau khi sang Trung Quốc cả nhóm được đưa đến làm việc tại một Công ty sản xuất xúc xích, thuộc tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc và được bố trí làm ở nhiều bộ phận khác nhau, tiền công tính theo sản phẩm trung bình được khoảng hơn 3000 Nhân dân

tệ (NDT)/01 tháng. Sau khi nhận tiền công, có một người đàn ông tên Hà (em rể Y) làm cùng T hỏi T về và được biết T đã đưa 20 sang làm việc, Hà đã báo cho Y và để T nói chuyện với Y; sau khi bàn bạc Y nói sẽ trả cho T tiền công đưa người sang Trung Quốc (tiền Khấu) là 80 Nhân dân tệ (NDT)/người/01 tháng và được T chấp nhận. Sau đó hàng tháng, ngoài tiền công lao động do Công Ty trả, T còn được Y trả (tiền Khấu) là 1.600 NDT/01 tháng. Từ tháng 3/2019 đến tháng 02/2020, T đã nhận được tổng cộng 19.200 NDT (tiền Khấu) tính theo tỉ giá 01 NDT = 3.000 VNĐ là 57.600.000 đồng. Hà là người làm dịch vụ gửi tiền từ Trung Quốc về Việt Nam cho những người làm tại Công ty, nên T thông qua Hà gửi tiền công và tiền (tiền Khấu) vào tài khoản cá nhân của T mở tại Ngân hàng Agribank huyện C, tỉnh Sơn La. T đã gửi 09 lần với tổng số tiền là 232.320.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*), trDg đó có 57.600.000 đồng tiền công đưa người sang Trung Quốc.

Đến tháng 12/2019, Tòng Văn Khánh bỏ về Việt Nam còn lại Vì Thị T và 19 người tiếp tục ở lại làm việc. Đến tháng 4/2020, khi dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc, T được Công ty cho trở về Việt Nam theo đường tiểu mạch: Lương Thị Q, Lò Thị O, Lương Thị G, Tòng Thị F, Vì Văn N, Tòng Văn E, Lương Văn N, Quảng Văn D, trên đường trở về Việt Nam thì bị lực lượng Biên phòng Trung Quốc bắt, ngày 05/5/2020 trao trả qua cửa khẩu Tân Thanh, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi tiếp cận, các Cơ quan chức năng đã đưa 08 trường hợp trên đi cách ly tập trung để phòng chống dịch Covid-19, trDg đó Quảng Văn D bị cách ly tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn, các trường hợp còn lại bị cách ly tại Trung đoàn 123, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn. Vì Thị T, Vì Văn X, Tòng Thị Sa, Quảng Thị T, Quảng Văn C, Lò Thị Sam, Lò Thị H, trở về Việt Nam qua đường tiểu mạch thuộc huyện Hà Lang, đã bị cách ly tại Trung đoàn 852, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Lương Văn T, Vì Thị K, Lò Thị L, Vì Văn Anh, Lò Thị P, trở về Việt Nam qua đường tiểu mạch thuộc huyện Trùng Khánh, bị cách ly tại Phòng khám đa khoa khu vực Đàm N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi hết thời hạn cách ly các trường hợp trên đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cách ly phòng chống dịch Covid-19, trở về địa P.

Căn cứ kết quả điều tra đến ngày 07/7/2020, Vì Thị T bị Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La khởi tố bắt tạm giam, về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 28/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Vì Thị T về tội *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*, theo điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại K tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại K tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Vì Thị T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vì Thị T mức án từ 09 đến 10 năm tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu 01 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Vì Thị T để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Án phí đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Trần Minh Huân: Nhất trí với quan luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vì Thị T về tội *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về mức hình phạt, người bào chữa cho rằng: TrDg quá trình điều tra và tại K tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với các cơ quan T hành tố tụng trDg quá trình điều tra vụ án; hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ hạn chế hiểu biết pháp luật; gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động chính trDg gia đình nên mDg Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Trong quá trình truy tố, Viện kiểm sát đã xem xét đầy đủ, toàn diện các vấn đề liên quan để đề nghị mức án phù hợp với bị cáo, do đó, Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố tại K tòa vẫn giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Vì Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại K tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an

tỉnh Sơn La, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trDg quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại K tòa, Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo trDg quá trình điều tra và tại K tòa đều phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trDg hồ sơ; cụ thể như sau: Bị cáo đã có hành vi tuyên truyền và tổ chức cho 20 người từ Việt Nam ra nước ngoài nQ không có hộ chiếu, giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Hành vi phạm tội của bị cáo Vì Thị T được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Tin báo về tội phạm của Phòng quản lý xuất nhập cảnh (PA08) – Công an tỉnh Sơn La với nội dung: Vì Thị T, sinh năm 1980; trú tại bản A, xã Chiềng KhoDg, huyện C, tỉnh Sơn La có hành vi Tổ chức cho 20 côn nhân trú tại huyện C, tỉnh Sơn La xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động, làm thuê.

- Kết quả kiểm tra các tin nhắn, bản ghi âm cuộc gọi giữa Vì Thị T và Y (người đã giới thiệu Vì Thị T xuất nhập cảnh trái phép) nội dung trao đổi về việc đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc để lao động, và việc Y thanh toán tiền công cho T.

- Công văn số 811/CV ngày 07/7/2020 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh (PA08) – Công an tỉnh Sơn La trả lời Công văn số 223/PA09 ngày 06/7/2020 của Phòng Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Sơn La xác nhận: Qua rà soát trên hệ thống cơ sở dữ liệu xuất nhập cảnh phát hiện 01 trường hợp Lò Thị H đã được cấp hộ chiếu, nQ không có thông tin bà H sử dụng hộ chiếu để xuất nhập cảnh; Vì Thị T và 19 trường hợp còn lại không có thông tin liên quan đến việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Giấy chứng nhận về nước cấp cho công dân Việt Nam nhập cảnh trái phép Trung Quốc do Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Lạng Sơn cấp cho Tòng Thị Dậu, Lường Thị Q, Tòng Văn E, Quàng Văn D, Lò Thị O, Lường Thị G, Vì Văn N, Lường Văn N.

- Biên bản bàn giao người giữa Đoàn biên phòng Tân Thanh – Bộ đội biên phòng tỉnh Lạng Sơn và Phòng PA08 – Công an tỉnh Lạng Sơn về việc bàn giao

31 công dân Việt Nam (trDg đó có 08 trường hợp do Vì Thị T tổ chức xuất cảnh trái phép) do Phân trạm Kiểm tra biên phòng xuất nhập cảnh Pò Chải – Trung Quốc trao trả.

- Giấy chứng nhận người Việt Nam từ Trung Quốc trở về nhập cảnh qua địa bàn tỉnh Cao Bằng đã thực hiện cách ly trDg 14 ngày để theo dõi sức khỏe phòng, chống COVID-19 của Sở Y Tế - tỉnh Cao Bằng đối với Vì Thị T và 11 trường hợp.

- Lời khai của những người đã được Vì Thị T tổ chức cho xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

- Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can: Bị cáo T đều thừa nhận đã có hành vi tuyên truyền và tổ chức cho 20 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vì Thị T phạm tội *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép* tội phạm được quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[3] Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo đã có hành vi tuyên truyền và tổ chức cho 20 người ra nước ngoài trái phép thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, vi phạm tình tiết định khung “*Đối với 11 người trở lên*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự, với khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm tù.

[4] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo có đủ khả năng nhận thức việc đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài khi không được sự chấp E của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam là trái với quy định của pháp luật, nQ bị cáo đã tổ chức cho nhiều người xuất cảnh trái phép. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, có nguy cơ làm bùng phát dịch bệnh trDg nước, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trDg lĩnh vực xuất nhập cảnh của Việt Nam, gây mất trật tự, ổn định xã hội tại địa P, do đó bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vì Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: TrDg quá trình điều tra, truy tố và tại K tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo Bị cáo đã từng tham gia dân

quân tự vệ, được chính quyền địa P xác nhận là lao động chính trDg gia đình và hộ nghèo, do đó bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nQ theo kết quả xác minh tại Cơ quan điều tra, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên khó có điều kiện thi hành, cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về người liên quan đến vụ án:

Đối với 20 người có hành vi xuất cảnh trái phép là đã xâm phạm hoạt động quản lý xuất nhập cảnh và cư trú của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, nQ đều vi phạm lần đầu, chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cần phải bị xử lý hành chính và việc cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với Lường Thị Q, Lò Thị O, Tòng Thị F, Vi Văn N, Tòng Văn E, Lường Văn N, Quàng Văn D, Quàng Thị T, Quàng Văn C, Lò Thị Sam, Lò Thị H, Lường Văn T, Vi Thị K, Lò Thị L, Vi Văn Anh, Lò Thị P là phù hợp với quy định của Nghị định số: 16/3013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ

Đối với Vi Văn X, Tòng Thị Sa, Lường Thị G, Tòng Văn Khánh sau khi vụ việc bị phát hiện đã không có mặt tại nơi cư trú nên chưa bị xử lý hành chính, cần phải xử lý hành chính về hành vi ra nước ngoài trái phép, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục xử phạt hành chính về hành vi ra nước ngoài trái phép, theo quy định của Nghị định số: 16/3013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với đối tượng Y là người đã trao đổi, hướng dẫn T đưa người xuất cảnh trái phép qua biên giới sang Trung Quốc và đã trả cho T tiền công đưa người sang Trung Quốc và đối tượng tên Hà (em rể Y). Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh đối tượng Y tên thật là Tô Quang Anh, sinh năm 1988 trú tại khu 4, xã Hà Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Cơ quan An ninh điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra đến nay không xác định được đối tượng Tô Quang Anh và Ngô Ngọc Hà đang ở đâu, ngoài lời khai của bị cáo không có căn cứ nào khác; do đó, chưa có căn cứ để xử lý tại vụ án này, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh nếu có căn cứ xử lý ở vụ án khác.

Đối với Hải Sẹo (người đã cho T số điện thoại của Tô Quang Anh) quá trình điều tra T không biết địa chỉ của Hải; do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 57.600.000 đồng là tiền bị cáo được hưởng lợi từ việc đưa người khác ra nước ngoài, được xác định do phạm tội mà có; quá trình điều

tra cơ quan điều tra chưa thu giữ được, cần truy thu để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại OPPO K1 thu giữ của Vì Thị T, quá trình điều tra xác định bị cáo đã dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo được chính quyền địa P nơi cư trú xác nhận là hộ nghèo, do đó bị cáo sẽ được miễn án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Vì Thị T phạm tội *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*.

Xử phạt bị cáo Vì Thị T 08 (Tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu của bị cáo Vì Thị T số tiền 57.600.000 đồng (*Năm bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu để nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO K1 màu xanh da trời, một phần có màu hồng (điện thoại cảm ứng), điện thoại đã qua sử dụng. Thu giữ của Vì Thị T.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 28/01/2021 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La và Công an tỉnh Sơn La).

3. **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Vì Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. **Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm:** Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/4/2021).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; NBC;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Tuyên